SỞ Y TẾ SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐK THẢO NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2066/QĐ-BVTN

Mộc Châu, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THẢO NGUYÊN

Căn cứ Luật đấu thầu số: 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do bộ trưởng bộ y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số: 2065/QĐ-BVTN ngày 08/12/2022 của Bệnh viện Đa Thảo Nguyên về việc phê duyệt Danh mục các mặt hàng trúng thầu gói thầu: Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định về kết quả lựa chọn nhà thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất và vaccine, sinh phẩm y tế đối với báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kết quả lựa chọn Nhà thầu Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu, với những nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Dược phẩm I-Pharma
- Gía trúng thầu: là đơn giá cố định theo từng mặt hàng trúng thầu được ban hành theo phụ lục của từng nhà thầu trúng thầu
- Gía trúng thầu là đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, nghĩa vụ thuế và các chi phi liên quan khác trong quá trình cung ứng;
- Số mặt hàng thuốc trúng thầu: 66 mặt hàng.
- Giá trị trúng thầu: 1.312.557.000 đồng
- (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm mười hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)
- Hình thức hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp dồng: 12 tháng kể từ ngày Nhà thầu ký Hợp đồng cung ứng.

Điều 2. Giao Khoa Dược chuẩn bị các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu: thông báo bằng văn bản với nhà thầu nội dung hợp dồng tiến hành hoàn thiện ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo đúng thời gian quy định

Điều 3. Các Trưởng phòng chức năng, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định các nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 1 & 3;
- Lưu VT,KD

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THẢO NGUYÊN HUYỆN MỘC CHÂU

Nguyễn Văn Sỹ

DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

Gói thầu số 1: Mua thuốc Generic năm 2022 của Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu

(Đính kèm Quyết định: 2066/QĐ-BVTN ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm I-Pharma

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Nhóm thuốc	SĐK hoặc GPNK	Hạn dùng (tháng)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng	Thành tiền
1	Allergex	Acrivastin	8 mg	Nhóm 4	VD-26969-17	36 tháng	Cty CPDP OPV	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	11.500	1.800	20.700.000
2	Bivouro	Acid ursodeoxycholic	300 mg	Nhóm 4	VD-31446-19	36 tháng	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	11.500	2.000	23.000.000
3	Dusodril 300	Acid thioctic	300 mg	Nhóm4	VD-28774-18	36 tháng	Công ty CPDP Nam Hà	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	Viên	12.000	2.000	24.000.000
4	Albenca	Albendazol	400 mg	Nhóm 4	VD-26854-17	24 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Hộp 01 vỉ xé x 01 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	5.500	3.000	16.500.000
5	Alpha - Chymotrypsin - US	Alphachymotrypsin	4,2 mg	Nhóm 4	VD-21465-14	24 tháng	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Viên nén, uống	Viên	1.100	3.800	4.180.000
6	Amxolpect 30mg	Ambroxol hydrochlorid	30mg/5ml	Nhóm 4	VD-32316-19	24 tháng	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Hộp 1 chai 60 ml	Chai	38.500	500	19.250.000
7	Clavurem 625	Amoxicilin + Acid clavulanic	500 mg + 125mg	Nhóm 1	VN-19523-15	24 tháng	Remedica Ltd	Síp	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	11.000	1.800	19.800.000
8	Tenzumax	Arginin hydroclorid	500mg	Nhóm 4	VD-35303-21	24 tháng	Công ty DP Nam Hà	Việt Nam	Hộp 10 vỉ, 12 vỉ x 5 viên nang mềm, uống	Viên	4.900	3.000	14.700.000

9	Nozeytin-F	Azelastin + Fluticason propionat	(15 mg + 5,475 mg)/15 ml	Nhóm 4	VD-34603-20	24 tháng	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Việt Nam	Hộp 1 lọ 15 ml, dung dịch xịt mũi	Lọ	120.000	300	36.000.000
10	Assimicin	Azithromycin	500mg	Nhóm 2	VN-22093-19	36 tháng	Replek Farm Ltd.Skopje.	Macedonia	Hộp 1 vỉ x 3 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	52.000	600	31.200.000
11	Azicrom 200	Azithromycin	200 mg	Nhóm 4	VD-20231-13	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 3 gói x 2,5g, thuốc bột uống	Gói	25.000	1.200	30.000.000
12	B-Hist 16	Betahistin dihydroclorid	16 mg	Nhóm 5	VN-22126-19	24 tháng	M/s Windlas Biotech Limited	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	Viên	2.100	3.200	6.720.000
13	Ceftenmax 200 cap	Ceftibuten (Dưới dạng Ceftibuten dihydrat)	200 mg	Nhóm 4	VD-29562-18	36 tháng	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	36.000	2.500	90.000.000
14	Ceftenmax 400 cap	Ceftibuten (Dưới dạng Ceftibuten dihydrat)	400 mg	Nhóm 4	VD-29563-18	36 tháng	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 6 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	54.000	600	32.400.000
15	Direntab 200-US	Cefditoren	200 mg	Nhóm 4	VD-32707-19	36 tháng	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, uống	Viên	30.200	1.000	30.200.000
16	Gamincef 200	Cefpodoxime	200mg	Nhóm 5	VN-18092-14	24 tháng	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Ấn Độ	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	15.500	3.000	46.500.000

17	Tenadinir 300	Cefdinir	300 mg	Nhóm 5	VN-21830-19	24 tháng	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Ấn Độ	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	14.528	3.000	43.584.000
18	Zinecox 200	Cefditoren	200 mg	Nhóm 5	VN-20346-17	24 tháng	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Ấn Độ	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	25.000	1.000	25.000.000
19	Daytrix	Cetriaxone	1g	Nhóm 1	VN-17223-13	36 tháng	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.	Ý	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 3,5ml, Bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	59.000	200	11.800.000
20	Cefeme 1g	Cefepim	1 g	Nhóm 1	VN-19241-15	24 tháng	Medochemie	Síp	Hộp 10 lọ bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	110.000	200	22.000.000
21	Cefeme 2g	Cefepim	2 g	Nhóm 1	VN-19242-15	24 tháng	Medochemie	Síp	Hộp 10 lọ bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	218.000	200	43.600.000
22	Fidorel	Clopidogrel	75 mg	Nhóm 2	VN-22388-19	36 tháng	Daewon Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	11.800	2.100	24.780.000
23	Cefuro-B 500	Cefuroxime	500 mg	Nhóm 3	VD-23817-15	36 tháng	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	13.000	1.500	19.500.000
24	Cefpobiotic 100	Cefpodoxime	100 mg	Nhóm 4	VD-34092-20	36 tháng	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	Hộp 30 gói x 1,5g, bột pha hỗn dịch uống	Gói	9.000	2.000	18.000.000
25	Mesogold 500	Cefprozil	500 mg	Nhóm 4	VD-29866-18	36 tháng	Công ty Cổ Phần Dược phẩm TW2	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	33.000	1.200	39.600.000
26	Yacel 250	Cefprozil	250 mg	Nhóm 4	VD-31222-18	36 tháng	Công ty Cổ Phần Dược phẩm TW2	Việt Nam	Hộp 24 gói x 3g, bột pha hỗn dịch uống	Gói	20.000	1.500	30.000.000
27	Shampoo Ciclopirox	Ciclopirox	1g/100ml	Nhóm 4	VD-33644-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 1 lọ 100ml dung dịch uống	Lọ	220.000	30	6.600.000

28	Chlorhexidine 0,2%	Chlorhexidin gluconat	0,2%	Nhóm 4	VD-32929-19	30 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp lọ 125ml dung dịch súc miệng	Lọ	65.000	200	13.000.000
29	Cilidamin 20	Cilnidipin	20 mg	Nhóm 4	VD-32988-19	24 tháng	Công ty CP Dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	12.000	1.500	18.000.000
30	Mebicefpo 200	Cefpodoxime	200 mg	Nhóm 4	VD-24005-15	36 tháng	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	Viên	12.000	1.800	21.600.000
31	Dapzin-10	Dapagliflozin	10 mg	Nhóm 5	VN3-400-22	24 tháng	Micro Labs Limited	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	Viên	17.200	1.000	17.200.000
32	Avodirat	Dutasterid	0,5 mg	Nhóm 4	VD-30827-18	36 tháng	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina-	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	11.000	1.200	13.200.000
33	Mepilori 40	Esomeprazol	40 mg	Nhóm 4	VD-32629-19	24 tháng	Cty CPDP OPV	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	12.000	2.000	24.000.000
34	Rhumacap 200	Etodolac	200 mg	Nhóm 4	VD-26228-17	36 tháng	Cty CPDP OPV	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	4.500	1.000	4.500.000
35	Vectrine	Erdosteine	300mg	Nhóm 5	VN-18954-15	48 tháng	PT. Dexa Medica.	Indonesia	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	5.950	2.000	11.900.000
36	Virtizin 5	Flunarizin	5 mg	Nhóm 5	VN-21727-19	30 tháng	Navana Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	3.000	1.500	4.500.000
37	Vaidilox	Febuxostat	40 mg	Nhóm 4	QLĐB-623-17	36 tháng	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina-	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	13.000	1.000	13.000.000
38	Trionstrep	Irbesartan	150 mg	Nhóm 1	VN-19809-16	36 tháng	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A.	Bồ Đào Nha	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	5.450	2.000	10.900.000

39	Sporacid	Itraconazol	100 mg	Nhóm 5	VN-22669-20	36 tháng	PT. Dexa Medica.	Indonesia	Hộp 3 vỉ x 4 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	12.800	1.000	12.800.000
40	Toulalan	Itoprid HCl	50 mg	Nhóm 2	VD-27454-17	36 tháng	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	Viên	3.600	3.000	10.800.000
41	Nirdicin 500mg	Levofloxacin	500 mg	Nhóm 1	VN-18716-15	48 tháng	Pharmathen S.A	Hy Lạp	Hộp 1 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, uống	Viên	28.000	1.000	28.000.000
42	Voledex	Levofloxacin	500mg	Nhóm 5	VN-18955-15	36 tháng	PT. Dexa Medica.	Indonesia	Hộp 1 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, uống	Viên	9.800	2.000	19.600.000
43	Flexilor 4	Lornoxicam	4 mg	Nhóm 2	VN2-501-16	24 tháng	Glenmark	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén, uống	Viên	9.000	2.000	18.000.000
44	Pulmorest	Levodropropizin	30mg/5ml	Nhóm 5	VN-19405-15	24 tháng	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 chai 50 ml, dung ịch uống	Chai	115.000	200	23.000.000
45	Lubirine	L-ornithin L-aspartat	300 mg	Nhóm 4	VD-21565-14	36 tháng	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nang mềm, uống	Viên	4.200	2.000	8.400.000
46	Losar Denk 50	Losartan	50 mg	Nhóm 1	VN-17419-13	36 tháng	Denk Pharma GmbH Co.KG	Đức	Hộp 2 vỉ x 14 viên nén bao phim, uống	Viên	6.000	2.800	16.800.000
47	Yafort	Levetiracetam	500 mg	Nhóm 3	VD-20610-14	24 tháng	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina-	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim uống	Viên	9.000	3.000	27.000.000
48	Muscat Tab	Mosapride Citrate	5mg	Nhóm 5	VN-21958-19	36 tháng	Theragen Etex Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 10 vỉ x 10 viên,Viên nén bao phim, uống	Viên	3.300	1.000	3.300.000
49	Medexa	Methylprednisolone	16 mg	Nhóm 5	VN-5595-10	48 tháng	PT. Dexa Medica.	Indonesia	Hộp 5 vỉ x 6 viên, Viên nén, uống	Viên	3.500	2.200	7.700.000
50	Moslve	Mometason furoat	0,05mg	Nhóm 5	VN-22509-20	24 tháng	Drogsan Ilaclari San. ve Tic. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 lọ 18g hỗn dịch xịt mũi cung cấp 140 liều xịt	Lọ	295.000	30	8.850.000
51	Gentusi	Metronidazole+ Chloramphenicol+ Nystatin+ Dexamethasone acetate	225 mg+ 100 mg+ 75 mg+ 0,5 mg	Nhóm 2	VN-16635-13	36 tháng	Farmaprim Ltd	Moldova	Hộp 2 vỉ x 5 viên, viên đặt âm đạo	Viên	25.000	1.000	25.000.000

52	Waryal	Metronidazole +Miconazol nitrat	500mg +100mg	Nhóm 5	VN-18218-14	36 tháng	LTD Farmaprim	Moldova	Hộp 2 vỉ x 7 viên, Viên đạn đặt âm đạo	Viên	17.195	1.400	24.073.000
53	Kidtecat	Montelukast	4 mg	Nhóm 4	VD-32067-19	36 tháng	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 14 gói x 1,5 g, thuốc cốm uống	Gói	9.550	2.800	26.740.000
54	Medrokort 125	Methyl prednisolon	125 mg	Nhóm 4	VD-35124-21	36 tháng	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 1 ống dung môi nước cất pha tiêm 4ml	Lọ	62.000	200	12.400.000
55	Medrokort 500	Methyl prednisolon	500 mg	Nhóm 4	VD-35126-21	36 tháng	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Việt Nam	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ thuốc bột pha tiêm + 1 ống dung môi nước cất pha tiêm 4ml	Lọ	190.000	30	5.700.000
56	Medozopen 1g	Meropenem	1g	Nhóm 1	VN-16323-13	24 tháng	Medochemie	Síp	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	420.000	20	8.400.000
57	Viên đạn đặt âm đạo Ovumix	Metronidazole +Miconazole nitrate +Neomycin sulfate + Polymycin B sulfate +Gotu Kola	300 mg+ 100 mg+48,8 mg+4,4 mg+ 15 mg	Nhóm 5	VN-16700-13	36 tháng	Laboratorio Elea S.A.C.I.F.yA	Argentina	Hộp 1 vỉ x 6 Viên, Viên đạn đặt âm đạo, uống	Viên	44.000	600	26.400.000
58	Orgyl	Ornidazol	500 mg	Nhóm 2	VN-18139-14	36 tháng	Kusum Healthcare Pvt.Ltd	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	Viên	16.000	1.000	16.000.000
59	Pregabakern 75 mg	Pregabalin	75 mg	Nhóm 1	VN-22833-21	48 tháng	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	Hộp 4 vỉ x 14 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	15.700	2.000	31.400.000
60	Notrorich 800mg	Piracetam	800mg	Nhóm 4	VD-23640-15	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	Viên	3.500	2.000	7.000.000

61	Rosutrox	Rosuvastatin	10 mg	Nhóm 1	VN-20450-17	24 tháng	Biofarm Sp. zo.o	Ba Lan	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	8.800	1.600	14.080.000
62	Ramizes 10	Ramipril	10 mg	Nhóm 2	VN-17353-13	24 tháng	Farmak JSC	Ukraine	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén, uống	Viên	7.000	1.800	12.600.000
63	Medica Rebacid	Rebamipid	100 mg	Nhóm 2	VN-22262-19	36 tháng	Medica Korea Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, uống	Viên	5.500	3.000	16.500.000
64	Raceca 30mg	Racecadotril	30 mg	Nhóm 4	VD-24508-16	36 tháng	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 gói 3g, thuốc bột uống	Viên	5.300	1.600	8.480.000
65	Hezoy	Sắt nguyên tố (dưới dạng phức hợp Sắt (III) hydroxid polymaltose) + Folic acid	100 mg + 0,35 mg	Nhóm 5	VN-16675-13	24 tháng	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.	Pakistan	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén nhai, uống	Viên	3.400	1.800	6.120.000
66	Livermarin 140	Silymarin	140 mg	Nhóm 4	VD-34044-20	36 tháng	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, uống	Viên	6.000	1.000	6.000.000

Tổng sản phẩm: 66 sản phẩm

Tổng tiền: 1.312.557.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ ba trăm mười hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA THẢO NGUYÊN HUYỆN MỘC CHÂU

Nguyễn Văn Sỹ